



THE ROLE OF IT MANAGEMENT AND ACCOUNTING SKILLS IN INTEGRATING ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI) INTO ACCOUNTING IN VIETNAM

Nguyen Thi Thao^{1*}, Nguyen Thi Toan¹, Nguyen Thi Phi Phuong², Nguyen Thi Kim Thoa²

¹University of Phan Thiet, Vietnam

²Industrial University of Ho Chi Minh City, Vietnam

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfmr.v17i01.880</p> <p><i>Received:</i> April 08, 2025</p> <p><i>Accepted:</i> July 06, 2025</p> <p><i>Published:</i> February 25, 2026</p> <p>Keywords: Accounting, Accounting skills, Artificial intelligence, IT management</p> <p>JEL codes: M10, M40, M41</p>	<p>The study focuses on examining the role of IT management and accounting skills in integrating AI into accounting in Vietnam. AI tools are used as independent variables, accounting is the dependent variable, and IT management and accounting skills are the mediating variables. The study uses qualitative methods through fundamental theory, analysis, evaluation, reasoning, expert interviews, combined with quantitative approaches such as survey methods, quantitative analysis using EFA, CFA, and SEM techniques. The study has discovered the positive impact of AI tools on accounting in Vietnam. At the same time, the study affirms the mediating role of IT management and accounting skills in the impact of AI tools on accounting. From the results of the empirical research, the authors propose some management implications to help managers identify and make appropriate investment decisions, and at the same time, have strategies to improve IT management and improve accounting skills to adapt promptly in the context of integrating AI into current accounting work.</p>

**Corresponding author:*

Email: thaont@upt.edu.vn



VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KỸ NĂNG KẾ TOÁN TRONG VIỆC TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thảo^{1*}, Nguyễn Thị Toàn¹, Nguyễn Thị Phi Phượng², Nguyễn Thị Kim Thoa²

¹Trường Đại học Phan Thiết

¹Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfmr.v17i01.880</p> <p>Ngày nhận bài: 08/04/2025</p> <p>Ngày chấp nhận: 06/07/2025</p> <p>Ngày đăng: 25/02/2026</p> <p>Từ khóa: Kế toán, Kỹ năng kế toán, Quản trị IT, Trí tuệ nhân tạo</p> <p>Mã JEL: M10, M40, M41</p>	<p>Nghiên cứu tập trung xem xét vai trò của quản trị công nghệ thông tin và kỹ năng kế toán trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán tại Việt Nam. Các công cụ AI được sử dụng như các biến độc lập; công tác kế toán là biến phụ thuộc; và quản trị công nghệ thông tin, kỹ năng kế toán là những biến trung gian. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp định tính thông qua lý thuyết nền tảng, phân tích, đánh giá, lý luận, phỏng vấn chuyên gia kết hợp với tiếp cận phương pháp định lượng như phương pháp khảo sát, phân tích định lượng bằng kỹ thuật EFA, CFA, SEM. Nghiên cứu đã phát hiện mối quan hệ tác động tích cực của các công cụ AI đến công tác kế toán tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu khẳng định vai trò trung gian của quản trị công nghệ thông tin và kỹ năng kế toán trong mối quan hệ tác động của các công cụ AI đến công tác kế toán. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị giúp các nhà quản lý nhận định và quyết định đầu tư phù hợp, đồng thời có các chiến lược hoàn thiện quản trị IT và nâng cao kỹ năng kế toán để thích ứng kịp thời trong bối cảnh tích hợp AI vào công tác kế toán hiện nay.</p>

1. Đặt vấn đề

Sự tiến bộ về công nghệ do trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn, điện toán đám mây tạo ra là cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ 4.0, triển khai trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau và giải quyết được nhiều chủ đề liên quan đến các lĩnh vực

(Vărzaru, 2022; Yoon, 2020). Nghề kế toán đang chuyển đổi sâu sắc trong kỷ nguyên công nghệ tiến bộ nhanh chóng và tích hợp AI. AI đã tự động hóa các nhiệm vụ thường lệ, đòi hỏi phải chuyển đổi vai trò của kế toán sang các chức năng phân tích, lập kế hoạch chiến lược và tư vấn (Mohamed Saad, 2024). Các hoạt động, quy trình, phương pháp kế toán hiện tại và truyền thống đã không còn phù hợp trong môi trường kinh doanh số hóa mà kế toán viên sẽ phải chấp nhận tự động hóa các hoạt động kế toán hiện

*Tác giả liên hệ:

Email: thaont@upt.edu.vn

tại để bắt kịp sự phát triển không ngừng của công nghệ mới (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2024; Razali và cộng sự, 2022). Các hoạt động kế toán đã được cải thiện đáng kể, nâng cao hiệu quả, độ chính xác và chất lượng dữ liệu do sự phát triển nhanh chóng của AI (Almaqtari, 2024a; Abdullah & Almaqtari, 2024). AI giúp tự động hóa các thủ tục đơn điệu, đơn giản hóa việc phân tích dữ liệu tài chính, hợp lý hóa quy trình và cải thiện khả năng ra quyết định (Abdullah và Almaqtari, 2024; Dhamija & Bag, 2020).

Trước sự phát triển nhanh chóng của AI, các tổ chức đang phải đối mặt với những thách thức lớn trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán (Almaqtari, 2024a). Bên cạnh những tác động tích cực mà AI mang lại, nó cũng có thể tạo ra những hậu quả bất ngờ và không mong muốn trong tương tác giữa người và máy, chẳng hạn, sự sai lệch, sự phân biệt, thiếu minh bạch trong dữ liệu và thuật toán sẽ tạo ra kết quả chủ quan và phi đạo đức (Mäntymäki và cộng sự, 2022; Taeihagh, 2021). Để tối đa hóa lợi ích từ công nghệ AI và hạn chế rủi ro trong công tác kế toán, quản trị công nghệ thông tin (IT) hiệu quả là điều cần thiết. Thông qua việc cung cấp hệ thống quản lý, thúc đẩy và kiểm soát công nghệ thông tin có chiến lược, quản trị IT giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến công nghệ thông tin (Al Hila và cộng sự, 2017; Lunardi và cộng sự, 2014; Hardy, 2006). Khi công nghệ quan trọng đối với tổ chức thì những thách thức về việc quản trị IT sẽ xuất hiện (Lunardi và cộng sự, 2014). Quản trị tốt IT sẽ dẫn đến việc sử dụng IT hiệu quả (Liang và cộng sự, 2011).

AI không tự chủ mà hoạt động phối hợp với năng lực của con người để tạo ra giá trị (Papagiannidis và cộng sự, 2023). Công nghệ AI khác nhau về phạm vi và độ phức tạp, sự lạ lẫm, đặc biệt, đối với những kế toán viên không thông thạo về kỹ thuật (Holmström, 2022; Iansiti & Lakhani, 2020). Trong thời đại AI, các kế toán cần trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết bao gồm sự sáng tạo, tư duy phản biện và chuyên môn về công nghệ (Mohamed Saad, 2024; Gonçalves và cộng sự, 2022; Yoon, 2020; ICAEW, 2018). Nghề kế toán có thể đang gặp

phải tình trạng lực lượng lao động thiếu kỹ năng để làm việc với AI, điều này đòi hỏi kế toán phải nâng cao và đào tạo lại kỹ năng để thích ứng tốt với AI (Almaqtari, 2024a; Mohamed Saad, 2024; Hasan, 2021; Das, 2021). Chính phủ Việt Nam cũng đã nhấn mạnh nhân lực số được phổ cập kỹ năng số đóng vai trò quyết định cho phát triển kinh tế số quốc gia (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Nghiên cứu này đánh giá tác động của AI đến công tác kế toán, đồng thời khám phá vai trò trung gian của quản trị IT và kỹ năng kế toán trong mối quan hệ giữa AI và công tác kế toán. Nghiên cứu đóng góp rất lớn về nguồn tài liệu cho các nghiên cứu liên quan đến AI trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam. Đồng thời, thu hẹp khoảng trống của các nghiên cứu trước trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán thông qua vai trò trung gian của quản trị IT và kỹ năng kế toán. Về ý nghĩa thực tiễn, nghiên cứu giúp các nhà quản lý nhận định và quyết định đầu tư lớn vào công nghệ mới, đồng thời có các chiến lược quản trị IT phù hợp và nâng cao kỹ năng kế toán để thích ứng tốt trong thời đại số tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết

Có nhiều mô hình dự đoán mạnh mẽ quyết định áp dụng công nghệ ở cấp độ cá nhân và tổ chức (Oliveira & Martins, 2011) như: Mô hình chấp nhận công nghệ (Davis, 1989), lý thuyết hành vi có kế hoạch (Ajzen, 1991), lý thuyết hợp nhất và chấp nhận sử dụng công nghệ, lý thuyết khuếch tán đổi mới (IDT) (Rogers, 1995), mô hình công nghệ - tổ chức - môi trường (TOE) (Tornatzky & Fleischer 1990). Theo Oliveira và Martins (2011) các lý thuyết IDT và TOE giải thích mạnh mẽ quyết định áp dụng công nghệ ở cấp độ tổ chức. Vì nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào nghiên cứu tác động của AI đến các chức năng kế toán, nên chúng tôi lựa chọn khung lý thuyết ở cấp độ tổ chức. Mặc dù, IDT tích hợp cả yếu tố công nghệ và tổ chức trong việc áp dụng công nghệ của doanh nghiệp, khung TOE được cho là giải thích tốt hơn khi

tích hợp cả yếu tố môi trường (Nguyễn Phúc Nguyễn và cộng sự, 2022). Chandra và Kumar (2018) cũng đã xác định rằng, ngoài yếu tố công nghệ, yếu tố tổ chức và môi trường cũng góp phần quyết định áp dụng công nghệ của doanh nghiệp. TOE được Tornatzky và Fleischer phát triển năm 1990, xác định ba khía cạnh trong bối cảnh doanh nghiệp ảnh hưởng đến việc áp dụng và phát triển công nghệ: bối cảnh công nghệ, bối cảnh tổ chức và bối cảnh môi trường. Bối cảnh công nghệ đại diện cho công nghệ bên trong và bên ngoài công ty, có nghĩa là bao gồm cả công nghệ đang sử dụng hoặc bên ngoài thị trường chưa được công ty sử dụng. Bối cảnh tổ chức bao gồm quy mô, cơ cấu quản lý, nguồn nhân lực... Bối cảnh môi trường đề cập đến áp lực cạnh tranh, áp lực khách hàng, áp lực xã hội,... (Nguyễn Phúc Nguyễn và cộng sự, 2022; Seshadrinathan & Chandra, 2021; Oliveira & Martins, 2011). Các yếu tố cụ thể trong ba bối cảnh trên có thể được xác định, điều chỉnh phù hợp theo từng nghiên cứu khác nhau (Oliveira & Martins, 2011). Trong nghiên cứu này, chúng tôi khám phá ảnh hưởng của các công cụ AI đến công tác kế toán thông qua các yếu tố trung gian là quản trị IT và kỹ năng kế toán, vì vậy khung TOE được cho là phù hợp nhất để hiểu các tương tác giữa các công nghệ AI, quản trị IT và các công tác kế toán.

2.2. Bối cảnh AI tại Việt Nam

Chiến lược Quốc gia đến năm 2030, với mục tiêu đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, đưa AI trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng là triển khai nghiên cứu cơ bản về AI, giải mã công nghệ, làm chủ công nghệ, bắt kịp các tiến bộ trong lĩnh vực AI; đồng thời, tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển một số sản phẩm AI dựa trên nguồn dữ liệu và tri thức đặc thù của Việt Nam; triển khai nghiên cứu, phát triển một số nền tảng cung cấp dịch vụ, sản phẩm AI quan trọng như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính, quy trình tự động và một số công nghệ AI khác (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Chính phủ Việt Nam nhận định, coi AI là công nghệ cốt lõi trong chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số Việt Nam đạt 20% GDP cả nước (Thủ tướng Chính phủ, 2022) và phát triển, ứng dụng AI có thể đóng góp khoảng 79,3 tỷ USD vào GDP Việt Nam vào năm 2030, tương đương gần 12% GDP cả nước (Tạp chí Kinh tế - Tài chính, 2024). Đến năm 2024, Việt Nam ghi nhận 278 công ty khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực AI, tăng đáng kể so với 60 công ty năm 2021, tương đương 4,5% (Ngô Huyền, 2024).

Chính phủ Việt Nam đưa ra mục tiêu chiến lược kế toán đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, cụ thể, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến kế toán phục vụ hoạt động của đơn vị và hoạt động quản lý, giám sát kế toán (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Noor và Mansor (2019) cũng đã nhận định, Việt Nam là một trong những quốc gia áp dụng sớm AI và có thể nhận ra lợi thế cạnh tranh lớn như một nguồn thu nhập thay vì là phương tiện giảm chi phí.

2.3. Tác động của AI đến công tác kế toán

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ AI đang tác động lớn đến công tác kế toán, chuyển đổi các phương pháp truyền thống, cải thiện độ chính xác, nâng cao hiệu quả và giá trị chiến lược (Almaqtari, 2024a; Agustí, 2023; Peng và cộng sự, 2023; Razali và cộng sự, 2022; Yoon, 2020). AI thay thế các hoạt động thủ công sẽ cho phép các kế toán xem xét lại chức năng công việc của mình và tập trung vào các hoạt động đầy thách thức và mang tính chiến lược (Razali và cộng sự, 2022; Vărzaru, 2022).

Các công cụ AI có thể được áp dụng trong hoạt động kế toán bao gồm học máy, học sâu, phân tích dữ liệu lớn, khai thác dữ liệu và điện toán đám mây (Abdullah & Almaqtari, 2024). Bằng việc tận dụng tính năng phân tích dữ liệu AI, kế toán có thể xử lý hiệu quả khối lượng lớn dữ liệu tài chính, tạo điều kiện cho việc xác định các bất thường và ra quyết định (Peng và cộng sự, 2023; Abdullah & Almaqtari, 2024). Một chức năng quan trọng nữa của AI là phát hiện

gian lận và các điểm bất thường nhanh chóng và chính xác hơn bằng tính năng kiểm tra liên tục các dữ liệu tài chính (Peng và cộng sự, 2023; Yoon, 2020). Yoon (2020) cũng đã khẳng định dữ liệu lớn sẽ cải thiện tính phù hợp và chất lượng của thông tin kế toán. Dữ liệu lớn cung cấp những hiểu biết sâu sắc đáng kể và cải thiện quy trình ra quyết định, làm tăng nhận thức của các chuyên gia kế toán về tính hữu ích của chúng (Almaqtari, 2024a). Công nghệ điện toán đám mây sẽ dẫn đến những thay đổi lớn trong kế toán (Razali và cộng sự, 2022). Công nghệ điện toán đám mây tạo nên các hệ thống thông tin kế toán tiên tiến hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc cung cấp thông tin chất lượng cao hơn, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong thông tin kế toán (Yoon, 2020). Một trong những hệ thống quản lý tài chính kế toán lớn ứng dụng điện toán đám mây là Enterprise Resource Planning (ERP). Một ứng dụng khả thi khác của AI đó là công nghệ học sâu. Nó đóng góp đáng kể vào quá trình chuyển đổi kế toán bằng công nghệ AI. Các thuật toán học sâu cho phép tự động phát hiện gian lận và bất thường nhanh chóng, cải thiện độ chính xác của dữ liệu (Almaqtari, 2024a; Yoon, 2020). Các thuật toán học sâu còn được sử dụng để xử lý ngôn ngữ tự nhiên để phân tích văn bản phi cấu trúc, cải thiện khả năng tuân thủ và giải quyết các yêu cầu tài chính (Sun & Vasarhelyi, 2018). Almaqtari (2024a), Abdullah & Almaqtari (2024), Hasan (2021), Odoh và cộng sự (2018) cũng đã chứng minh tác động của các công cụ AI đến công tác kế toán. Giả thuyết đặt ra:

Giả thuyết H1: Các công cụ AI (điện toán đám mây, học sâu, dữ liệu lớn) có tác động tích cực đến công tác kế toán (kế hoạch chiến lược và ngân sách, báo cáo và thuế, tính chi phí) tại Việt Nam.

2.4. Vai trò trung gian của quản trị IT trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán

Bên cạnh những tác động tích cực của AI đến công tác kế toán thì nó cũng tạo ra những thách thức đáng kể. Như vậy, để triển khai hiệu quả các công cụ AI vào công tác kế

toán, việc quản trị IT là điều cần thiết. Công tác kế toán được cách mạng hóa bằng cách tích hợp các công cụ AI giúp cải thiện năng suất, độ chính xác và tạo ra giá trị chiến lược. Bằng cách thiết lập các chính sách quản trị dữ liệu thống nhất, nâng cao chất lượng và bảo mật dữ liệu, quản trị IT có thể đảm bảo việc sử dụng các công cụ AI một cách có đạo đức, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, an toàn và hiệu quả (Almaqtari, 2024a). Khoảng cách giữa việc áp dụng và chuyển đổi AI trong công tác kế toán sẽ được thu hẹp khi có một cấu trúc quản trị IT mạnh mẽ (Papagiannidis và cộng sự, 2023). Papagiannidis và cộng sự (2023) và Almaqtari (2024a) cũng đã chứng minh vai trò trung gian quan trọng của quản trị IT trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán. Sự tích hợp của AI vào các chức năng kế toán trở nên mạnh mẽ, chính xác và có trách nhiệm khi vai trò trung tâm của quản trị IT được thực hiện tốt (Almaqtari, 2024a). Giả thuyết đặt ra:

Giả thuyết H2: Quản trị IT đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các công cụ AI (điện toán đám mây, học sâu, dữ liệu lớn) và công tác kế toán (kế hoạch chiến lược và ngân sách, báo cáo và thuế, tính chi phí) tại Việt Nam.

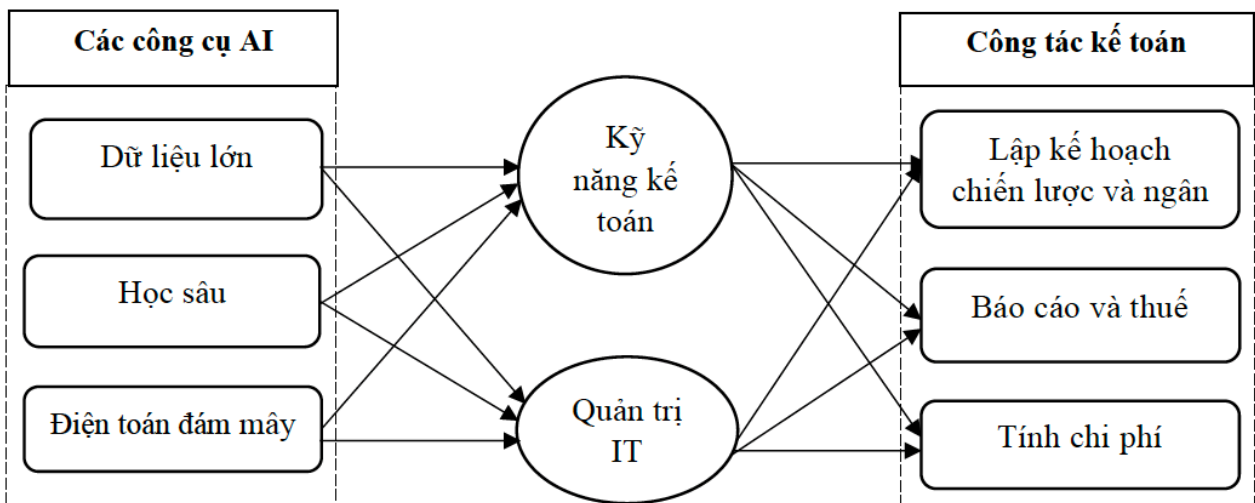
2.5. Vai trò trung gian của kỹ năng kế toán trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán

AI có thể nâng cao hiệu quả, độ chính xác và cải thiện khả năng ra quyết định nhưng cũng đem lại mối đe dọa như khả năng thay đổi việc làm và các quyết định về đạo đức, điều này đòi hỏi các kế toán viên phải chủ động đón nhận sự phát triển của AI và nâng cao các kỹ năng mới, tận dụng các công nghệ mới nổi sẽ cũng cố được vị thế để phát triển trong bối cảnh kế toán đang thay đổi (Anomah và cộng sự, 2024). Lee và Tajudeen (2020) cũng đã nhận định kế toán viên cần nâng cao các kỹ năng cần thiết từ cấp độ nhập liệu đến giao tiếp hiệu quả với khách hàng, điều này sẽ giúp các kế toán viên không bị đe dọa bởi việc áp dụng AI ngay cả khi nó phát triển vượt bậc trong lĩnh vực kế toán. Để tích hợp AI hiệu quả vào công tác kế toán, kế toán viên cần phải thay đổi nhận thức, sẵn sàng

đa dạng hóa các kỹ năng của mình để thay thế các công việc thủ công bằng các hoạt động phức tạp và có giá trị gia tăng hơn. Việc chuẩn bị sẵn sàng và trang bị đầy đủ các kỹ năng, kiến thức và nguồn lực cần thiết để khai thác tiềm năng của AI giúp tận dụng các công nghệ này một cách hiệu quả, từ đó nâng cao năng lực chuyên môn và hiệu suất kế toán (Anomah và cộng sự, 2024). Bên cạnh năng lực kế toán và báo cáo tài chính, kế toán viên phải trở thành một chuyên gia liên ngành có kiến thức chuyên môn sâu trong nhiều lĩnh vực, trong đó năng lực về công nghệ là cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số (Stancheva-Todorova, 2022). Sự phát triển vượt bậc của AI trong kế toán đã chuyển đổi

nhiệm vụ thường lệ của kế toán viên sang vai trò mang tính chiến lược, phân tích và cố vấn hơn, điều này đòi hỏi kế toán viên cần có bộ kỹ năng giúp họ thích ứng với môi trường AI, đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu của nghề kế toán (Mohamed Saad, 2024). Nghiên cứu này khám phá vai trò trung gian của kỹ năng kế toán trong việc tích hợp AI vào công tác kế toán tại Việt Nam. Giả thuyết đặt ra:

Giả thuyết H3: Kỹ năng kế toán đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các công cụ AI (điện toán đám mây, học sâu, dữ liệu lớn) và công tác kế toán (kế hoạch chiến lược và ngân sách, báo cáo và thuế, tính chi phí) tại Việt Nam.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp định tính thông qua lý thuyết nền tảng, phân tích, đánh giá, lý luận, phỏng vấn chuyên gia kết hợp với tiếp cận phương pháp định lượng để đánh giá tác động của các công cụ AI đến công tác kế toán tại Việt Nam thông qua vai trò trung gian của quản trị IT và kỹ năng kế toán như Hình 1. Nghiên cứu sử dụng các biến độc lập là dữ liệu lớn, học sâu, điện toán đám mây và các biến trung gian là kỹ năng kế toán, quản trị IT. Các biến phụ thuộc liên quan đến công tác kế toán

bao gồm lập kế hoạch chiến lược và ngân sách, báo cáo và thuế, tính chi phí. Một cuộc khảo sát được tiến hành thông qua bảng câu hỏi sơ bộ có cấu trúc được thiết kế, tổng hợp, điều chỉnh từ các nghiên cứu trước, đồng thời phỏng vấn ý kiến của một số chuyên gia kế toán, chuyên gia IT, giám đốc tài chính để hoàn thiện bảng câu hỏi. Mỗi thang đo công cụ AI được đo lường bởi 03 biến quan sát; thang đo kỹ năng kế toán được đo lường bởi 05 biến quan sát; thang đo quản trị IT được đo lường bởi 04 biến quan sát; và mỗi thang đo công tác kế toán được đo lường bởi 03 biến quan sát. Người được khảo sát trả lời theo thang đo Likert 5 mức độ: 1 -

Hoàn toàn không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Không chắc chắn, 4 - Đồng ý, 5 - Hoàn toàn đồng ý. Bảng câu hỏi đã được thử nghiệm trước với nhóm nhỏ chuyên gia kế toán, chuyên gia IT, giám đốc tài chính tại Việt Nam để đánh giá mức độ dễ hiểu và phù hợp của câu hỏi trước khi tiến hành khảo sát chính thức (*xem Phụ lục 1 online*).

3.2. Mẫu và thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện phi xác suất. Cuộc khảo sát được thực hiện theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến qua Google Forms với 500 quan sát gồm: các chuyên gia kế toán, chuyên gia IT, giám đốc tài chính, thành viên hội đồng quản trị của công ty tại Việt Nam. Trong số 500 quan sát được khảo sát, chỉ có 362 phiếu trả lời đạt yêu cầu về độ tin cậy, đầy đủ thông tin, mức độ hiểu biết về vấn đề nghiên cứu và được đưa vào nghiên cứu chính thức. Các đối tượng khảo sát thuộc các công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực như công nghệ thông tin, tài chính – ngân hàng, sản xuất, logistics, thương mại điện tử... và các công ty này có nhiều hình thức ứng dụng AI như dữ liệu lớn, học sâu, điện toán đám mây... nên có nền tảng hiểu biết thực tiễn đáp ứng yêu cầu khảo sát. Theo nghiên cứu của Jichuan và Xiaoqian (2019), cỡ mẫu tối thiểu phải đảm bảo 10 quan sát trên 01 biến quan sát. Nghiên cứu có 28 biến quan sát, tức là cỡ mẫu tối thiểu sẽ là

280 quan sát. Như vậy, cỡ mẫu 362 là hoàn toàn phù hợp để đưa vào phân tích và dự đoán kết quả. Dữ liệu thu thập sẽ được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) bằng phần mềm hỗ trợ SPSS và AMOS để kiểm định mối quan hệ tương tác giữa các công cụ AI, kỹ năng kế toán, quản trị IT và công tác kế toán tại Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach’s Alpha của 08 biến quan sát đều lớn hơn 0,6, hệ số tương quan biến – tổng đều lớn hơn 0,3, các biến quan sát đều đạt yêu cầu, có thể kết luận thang đo có độ tin cậy tốt (Hair và cộng sự, 2009; Cristobal & Guinalú, 2007).

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

4.2.1. Kiểm định KMO và Bartlett’s – Kiểm định mức độ quan hệ giữa các biến đo lường

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett’s được thể hiện ở Bảng 1, chỉ số $0,5 \leq KMO \leq 1$, kết luận phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu thực tế. Cùng với thông số kiểm định Bartlett với mức ý nghĩa thống kê Sig. < 0,05, cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể (Hair và cộng sự, 1998).

Bảng 1. Kiểm định KMO và Bartlett’s

Thước đo Kaiser-Meyer-Olkin		0,674
Kiểm định Bartlett	Chi-Square	602,319
	Df	36
	Sig.	0,000

4.2.2. Kiểm định tương quan biến

Kết quả kiểm định tổng phương sai trích cho thấy các nhân tố đạt mức trên 50%, có nghĩa trên 50% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi các biến quan sát. Kết quả ma trận xoay nhân tố được thể hiện ở Phụ lục 2 (*xem Phụ lục 2 online*).

Các nhân tố đều có hệ số tải lớn hơn 0,5 và thang đo đạt giá trị hội tụ. Kết luận về kết quả EFA phù hợp với mô hình ban đầu.

4.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định được thể hiện ở Phụ lục 3 (*xem Phụ lục 3 online*). Theo

đó, mô hình đo lường phù hợp với dữ liệu thực tế khi đảm bảo các thước đo $Cmin/df = 1,093 < 5$, $TLI = 0,991 > 0,9$, $CFI = 0,993 > 0,9$, $NFI = 0,922 > 0,9$, $RMSEA = 0,016 < 0,05$ (Gefen & Straub, 2011). Kết quả mô hình đo lường phù hợp tốt với dữ liệu thực tế.

4.4. Kiểm định giả thuyết bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Theo kết quả ước lượng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được thể hiện tại Phụ lục 4 (xem Phụ lục 4 online), các chỉ số $Cmin/df = 1,596$, $TLI = 0,945$, $CFI = 0,952$, $NFI = 0,882$ (gần bằng 0,9), $RMSEA = 0,41$, cho thấy mô hình tích hợp phù hợp với dữ liệu thực tế.

Theo kết quả ước lượng mối quan hệ trực tiếp thể hiện ở Bảng 2 và kết quả ước lượng mối

quan hệ gián tiếp tại Bảng 3, các giá trị P-value đều nhỏ hơn 0,05 và các hệ số ước lượng chuẩn hóa có dấu (+), chấp nhận tất cả các giả thuyết trong mô hình với mức ý nghĩa thống kê 95%. Kết quả ước lượng khẳng định lại giả thuyết H1, các công cụ AI (dữ liệu lớn, điện toán đám mây, học sâu) có tác động gián tiếp và tích cực đến công tác kế toán (kế hoạch chiến lược và ngân sách, báo cáo và thuế, tính chi phí). Giả thuyết H2 được khẳng định với vai trò trung gian của quản trị IT trong việc tích hợp các công cụ AI vào công tác kế toán. Tương tự, kết quả ước lượng cũng đã khẳng định vai trò trung gian của kỹ năng kế toán trong mối quan hệ giữa các công cụ AI và công tác kế toán.

Bảng 2. Kết quả ước lượng mối quan hệ trực tiếp giữa các giả thuyết trong mô hình lý thuyết

Mối quan hệ	Hệ số ước lượng chuẩn hóa	Độ lệch chuẩn (S.E)	Giá trị tới hạn (C.R)	Giá trị P-value	Kết quả giả thuyết
KN <--- DL	0,225	0,066	3,392	***	Chấp nhận
QT <--- DL	0,507	0,052	6,682	***	Chấp nhận
QT <--- DM	0,228	0,044	3,607	***	Chấp nhận
KN <--- HS	0,190	0,06	2,909	0,004	Chấp nhận
QT <--- HS	0,376	0,043	5,452	***	Chấp nhận
KN <--- DM	0,273	0,071	3,874	***	Chấp nhận
BCT <--- KN	0,261	0,061	5,134	***	Chấp nhận
TGT <--- KN	0,232	0,059	4,536	***	Chấp nhận
KH <--- KN	0,272	0,064	4,96	***	Chấp nhận
BCT <--- QT	0,758	0,14	9,551	***	Chấp nhận
TGT <--- QT	0,775	0,137	9,52	***	Chấp nhận
KH <--- QT	0,691	0,132	8,878	***	Chấp nhận

Bảng 3. Kết quả ước lượng mối quan hệ gián tiếp trong mô hình lý thuyết

	HS		DL		DM	
	Hệ số ước lượng chuẩn hóa	P-value	Hệ số ước lượng chuẩn hóa	P-value	Hệ số ước lượng chuẩn hóa	P-value
KH	0,312	0,001	0,412	0,001	0,232	0,001
TGT	0,336	0,001	0,445	0,002	0,24	0,002
BCT	0,335	0,001	0,443	0,001	0,244	0,002

4.5. Kiểm định ước lượng mô hình lý thuyết bằng Bootstrap

Nghiên cứu sử dụng phương pháp bootstrap lấy mẫu lặp lại, tạo ra mẫu ngẫu nhiên có số quan sát rất lớn từ mẫu ban đầu nhằm khẳng định lại độ tin cậy của các ước lượng ban đầu trong mô hình, cụ thể, nghiên cứu sử dụng mẫu lặp lại với N = 1.500. Nghiên cứu so sánh giá trị CR (Bias/SE-Bias) với 1,96 (do 1,96 là giá trị

phân phối chuẩn ở mức 0,9750, nghĩa là 2,5% một phía, 2 phía sẽ là 5%). Kết quả ước lượng được thể hiện tại Bảng 4. Các giá trị CR đều nhỏ hơn và tiệm cận với 1,96. Như vậy, độ chệch của ước lượng (Bias) và sai lệch chuẩn của nó có giá trị rất nhỏ, nói cách khác, không có sự khác biệt đáng kể giữa mẫu ước lượng ban đầu và mẫu từ bootstrap. Vì vậy, mô hình ước lượng ban đầu có độ tin cậy.

Bảng 4. Kết quả ước lượng bằng bootstrap với N=1.500

Quan hệ	Độ lệch chuẩn (SE)	Độ lệch chuẩn của độ lệch chuẩn (SE-SE)	Trung bình	Độ chệch (Bias)	Sai lệch chuẩn của độ chệch (SE-Bias)	Giá trị tới hạn CR (Bias/SE-Bias)
KN <--- DL	0,066	0,001	0,227	0,004	0,002	2,000
QT <--- DL	0,060	0,001	0,348	0,004	0,002	2,000
QT <--- DM	0,046	0,001	0,158	0,000	0,001	-
KN <--- HS	0,061	0,001	0,177	0,003	0,002	1,500
QT <--- HS	0,046	0,001	0,234	0,000	0,001	-
KN <--- DM	0,076	0,001	0,276	0,000	0,002	-
BCT <--- KN	0,093	0,002	0,319	0,003	0,002	1,500
TGT <--- KN	0,088	0,002	0,27	0,002	0,002	1,000
KH <--- KN	0,085	0,002	0,316	0,001	0,002	0,500
BCT <--- QT	0,204	0,004	1,342	0,004	0,005	0,800
TGT <--- QT	0,221	0,004	1,318	0,010	0,006	1,700
KH <--- QT	0,191	0,003	1,171	0,003	0,005	0,600

Kết quả nghiên cứu ủng hộ mạnh mẽ các giả thuyết, tác động của các công cụ AI (điện toán đám mây, học sâu, dữ liệu lớn) đến công tác kế toán tại Việt Nam và khẳng định vai trò trung gian của các yếu tố kỹ năng kế toán, quản trị IT trong việc hỗ trợ kế toán thực hiện các công tác lập kế hoạch chiến lược và ngân sách, tính chi phí, báo cáo và thuế. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với phát hiện của nhiều nghiên cứu trước đó (Almaqtari, 2024a; Abdullah & Almaqtari, 2024; Mohamed Saad, 2024; Anomah và cộng sự, 2024). Kết quả nghiên cứu một lần nữa nhấn mạnh vai trò cốt lõi của công nghệ trong chuyển đổi số quốc gia Việt Nam nói chung và nhiệm vụ trọng tâm của việc thực hiện chiến lược chuyển đổi số trong công tác kế toán đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã giải quyết được mục tiêu xem xét vai trò trung gian của quản trị IT và kỹ năng kế toán trong việc tích hợp các công cụ AI (điện toán đám mây, học sâu, dữ liệu lớn) vào công tác kế toán (lập kế hoạch chiến lược và ngân sách, tính chi phí, báo cáo và thuế) tại Việt Nam. Các công cụ AI được sử dụng như các biến độc lập, công tác kế toán là biến phụ thuộc và quản trị IT, kỹ năng kế toán là những biến trung gian trong mối quan hệ tác động của biến độc lập đến biến phụ thuộc. Nghiên cứu đã phát hiện mối quan hệ tác động gián tiếp và tích cực của các công cụ AI đến công tác kế toán, trong đó, các công cụ AI tác động tích cực

đến quản trị IT và kỹ năng kế toán, đồng thời, nghiên cứu cũng tìm thấy tác động tích cực của quản trị IT và kỹ năng kế toán đến các công cụ kế toán. Như vậy, nghiên cứu nhấn mạnh tác động tích cực của các công cụ AI đến công tác kế toán, điều này lý giải việc tích hợp AI vào công tác kế toán tại Việt Nam là quan trọng và cấp thiết. Nghiên cứu khẳng định được vai trò trung gian của quản trị IT và kỹ năng kế toán trong việc tích hợp các công cụ AI vào công tác kế toán. Vai trò trung gian của kỹ năng kế toán giúp giải thích mạnh mẽ rằng muốn tích hợp tốt các công cụ AI vào công tác kế toán, việc nâng cao các kỹ năng kế toán là cần thiết. Bên cạnh đó, không thể thiếu một hệ thống quản lý IT, kiểm soát AI có chiến lược để giảm thiểu rủi ro trong quá trình tích hợp các công cụ AI vào công tác kế toán.

5.2. Hàm ý quản trị

Đối với kế toán, cần nâng cao những kỹ năng cần thiết bao gồm kỹ năng công nghệ, tư duy phản biện, giao tiếp, sự sáng tạo và khả năng thích ứng. Cụ thể, kế toán phải học cách sử dụng thành thạo phần mềm kế toán có tích hợp AI, giải thích, phân tích được dữ liệu và báo cáo do AI tạo ra, phát triển khả năng tư duy hỗ trợ ra quyết định chiến lược, từ đó cung cấp những giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Đồng thời, không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ bằng cách thường xuyên tham gia vào các lớp tập huấn về công nghệ AI, lớp học về phần mềm kế toán trên nền tảng AI, lớp kỹ năng mềm, và có sự liên kết giữa phòng IT và kế toán để chuyển giao công nghệ.

Tài liệu tham khảo

- Abdullah, A. A. H., & Almaqtari, F. A. (2024). The impact of artificial intelligence and Industry 4.0 on transforming accounting and auditing practices. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 10(1). <https://doi.org/10.1016/j.joitmc.2024.100218>
- Agustí, M. A., & Orta-Pérez, M. (2023). Big data and artificial intelligence in the fields of accounting and auditing: A bibliometric analysis. *Spanish Journal of Finance and Accounting/Revista Española de Financiación y Contabilidad*, 52(3), 412-438. <https://doi.org/10.1080/02102412.2022.2099675>
- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- AlHila, A. A., Alhelou, E. M., AlShobaki, M. M., & Naser, S. S. A. (2017). The impact of applying the dimensions of IT governance in improving e-training-case study of the ministry of telecommunications and

Đối với nhà quản lý doanh nghiệp, cần có định hướng chiến lược nhấn mạnh vai trò của AI và ưu tiên chuyển đổi số trong công tác kế toán để kế toán có sự sẵn sàng tham gia. Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn kỹ năng sử dụng AI, đồng thời, tạo động lực, khuyến khích kế toán học tập liên tục để nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ. Đầu tư phần mềm kế toán tích hợp AI, cùng với hệ thống quản trị IT chất lượng, để đảm bảo vận hành AI ổn định, bảo mật và giảm thiểu rủi ro. Kết nối có hệ thống giữa bộ phận IT và bộ phận kế toán để tích hợp AI vào công tác kế toán hiệu quả. Bên cạnh đó, cần có tiêu chí đánh giá nhân sự kế toán để phản ánh hiệu quả sử dụng IT trong công tác kế toán.

Đối với Chính phủ Việt Nam, việc tiếp tục đẩy mạnh mục tiêu chiến lược về chuyển đổi số nói chung và phát triển AI trong công tác kế toán nói riêng. Phát triển nhân lực kế toán số bằng cách phối hợp với các cơ sở giáo dục đổi mới chương trình đào tạo kế toán có tích hợp kỹ năng công nghệ AI. Hỗ trợ phát triển hạ tầng công nghệ và chuyển đổi số tối đa cho doanh nghiệp.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu mặc dù có những đóng góp quan trọng, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như đối tượng khảo sát chủ yếu tập trung tại các tỉnh thành phía Nam và Đông Nam Bộ. Đối tượng khảo sát sẽ được mở rộng ra các khu vực khác trong nước ở các nghiên cứu tiếp theo để nâng cao tính đại diện cho mô hình nghiên cứu.

- information technology in Gaza governorates. *International Journal of Engineering and Information Systems*, 1(8), 194-219. <https://hal.science/hal-01628897v1>
- Almaqtari, F. A. (2024a). The role of IT governance in the integration of AI in accounting and auditing operations. *Economies*, 12(8). <https://doi.org/10.3390/economies12080199>
- Almaqtari, F. A. (2024b). The moderating role of IT governance on the relationship between FinTech and sustainability performance. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 10(2). <https://doi.org/10.1016/j.joitmc.2024.100267>
- Anomah, S., Ayebofo, B., Owusu, A., & Aduamoah, M. (2024). Adapting to AI: Exploring the implications of AI integration in shaping the accounting and auditing profession for developing economies. *EDPACS*, 69(11), 28-52. <https://doi.org/10.1080/07366981.2024.2388412>
- Chandra, S., & Cumar, K. N. (2018). Exploring factors influencing organizational adoption of augmented reality in e-commerce: Empirical analysis using technology-organization-environment model. *Journal of Electronic Commerce Research*, 19(3), 237-265. http://ojs.jecr.org/jecr/sites/default/files/2018vol19no3_paper3.pdf
- Cristobal, E., Flavián, C., & Guinaliú, M. (2007). Perceived e-service quality (PeSQ): Measurement validation and effects on consumer satisfaction and website loyalty. *Managing Service Quality: An International Journal*, 17(3), 317-340. <https://doi.org/10.1108/09604520710744326>
- Das, P. K. (2021). Impact of artificial intelligence on accounting. *Sumerian Journal of Economics and Finance*, 4(1), 17-24. <https://doi.org/10.47752/sjef.41.17.24>
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>
- Dhamija, P., & Bag, S. (2020). Role of artificial intelligence in operations environment: a review and bibliometric analysis. *The TQM Journal*, 32(4), 869-896. <https://doi.org/10.1108/TQM-10-2019-0243>
- Gefen, D., Rigdon, E. E., & Straub, D. (2011). Editor's comments: an update and extension to SEM guidelines for administrative and social science research. *MIS quarterly*, 35(2), iii-xiv. <https://doi.org/10.2307/23044042>
- Gonçalves, M. J. A., da Silva, A. C. F., & Ferreira, C. G. (2022). The future of accounting: How will digital transformation impact the sector? *Informatics*, 9(1). <https://doi.org/10.3390/informatics9010019>
- Hair, J. F., Anderson, E.R. & Tatham, L.R (1998). *Multivariate data analysis* (5th ed.). Prentice Hall.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2009). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Prentice Hall.
- Hardy, G. (2006). Using IT governance and COBIT to deliver value with IT and respond to legal, regulatory and compliance challenges. *Information Security Technical Report*, 11(1), 55-61. <https://doi.org/10.1016/j.istr.2005.12.004>
- Hasan, A. R. (2021). Artificial Intelligence (AI) in accounting & auditing: A Literature review, *Open Journal of Business and Management*. 10(1), 440-465. <https://doi.org/10.4236/ojbm.2022.101026>
- Holmström, J. (2022). From AI to digital transformation: The AI readiness framework. *Business Horizons*, 65(3), 329-339. <https://doi.org/10.1016/j.bushor.2021.03.006>
- Iansiti, M., & Lakhani, K. R. (2020). *Competing in the age of AI: Strategy and leadership when algorithms and networks run the world*. Harvard Business Press. <https://www.scribd.com/document/772345943/Iansiti-M-Lakhani-K-R-2020-Competing-in-the-Age-of-AI-Strategy-and-Leadership-When-Algorithms-and-Networks-Run-the-World-Harvard-Business>
- ICAEW. (2018). Artificial intelligence and the future of accountancy. <https://www.icaew.com/-/media/corporate/files/technical/technology/thought-leadership/artificial-intelligence.ashx>
- Johnson, S. J. (2023). *Will AI and automation replace or assist accountants*. Honors Capstones. <https://huskiecommons.lib.niu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2457&context=studentengagement-honorscapstones>
- Lee, C. S., & Tajudeen, F. P. (2020). Usage and impact of artificial intelligence on accounting: Evidence from Malaysian organisations. *Asian Journal of Business and Accounting*, 13(1). <https://doi.org/10.22452/ajba.vol13no1.8>
- Liang, T. P., Chiu, Y. C., Wu, S. P., & Straub, D. (2011). The impact of IT governance on organizational performance. In *AMCIS 2011 Proceedings - All Submissions* (Paper No. 268). Association for Information Systems. https://aisel.aisnet.org/amcis2011_submissions/268

- Lunardi, G. L., Becker, J. L., Maçada, A. C. G., & Dolci, P. C. (2014). The impact of adopting IT governance on financial performance: An empirical analysis among Brazilian firms. *International Journal of Accounting Information Systems*, 15(1), 66-81. <https://doi.org/10.1016/j.accinf.2013.02.001>
- Mäntymäki, M., Minkkinen, M., Birkstedt, T., & Viljanen, M. (2022). Defining organizational AI governance. *AI and Ethics*, 2, 603-609. <https://doi.org/10.1007/s43681-022-00143-x>
- Mohamed Saad, A. M. A. (2024). Adapting accountants to the AI revolution: university strategies for skill enhancement, job security and competence in accounting. *Higher Education, Skills and Work-based Learning*, 15(2), 290-305. <https://doi.org/10.1108/HESWBL-10-2023-0295>
- Mikalef, P., & Gupta, M. (2021). Artificial intelligence capability: Conceptualization, measurement calibration, and empirical study on its impact on organizational creativity and firm performance. *Information & management*, 58(3). <https://doi.org/10.1016/j.im.2021.103434>
- Ngô Huyền (2024). Việt Nam có nhiều lợi thế khởi nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo. VnEconomy <https://vneconomy.vn/viet-nam-co-nhieu-loi-the-khoi-nghiep-trong-linh-vuc-tri-tue-nhan-tao.htm>
- Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Trần Bảo Trân, Cao Trí Dũng (2022). Ứng dụng mô hình TOE để phân tích ý định chấp nhận và tiếp tục sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong lĩnh vực du lịch tại Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 20(4), 39-45. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/7867/5532>
- Nguyễn Thị Hoàng Yến (2024). *Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác kế toán tại Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. <https://kinhtevadubao.vn/ap-dung-tri-tue-nhan-tao-ai-trong-cong-tac-ke-toan-tai-viet-nam-28867.html>
- Noor, N. R. A. M., & Mansor, N. (2019). Exploring the adaptation of artificial intelligence in whistleblowing practice of the internal auditors in Malaysia. *Procedia Computer Science*, 163, 434-439. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2019.12.126>
- Odoh, L. C., Echefu, S. C., Ugwuanyi, U. B., & Chukwuani, N. V. (2018). Effect of artificial intelligence on the performance of accounting operations among accounting firms in Southeast Nigeria. *Asian Journal of Economics, Business and Accounting*, 7(2), 1-11. <https://doi.org/10.9734/AJEBA/2018/41641>
- Oliveira, T., & Martins, M. F. (2011). Literature review of information technology adoption models at firm level. *The Electronic Journal of Information Systems Evaluation*, 14(1), 110-121. <https://academic-publishing.org/index.php/ejise/article/view/389/352>
- Papagiannidis, E., Enholm, I. M., Dremel, C., Mikalef, P., & Krogstie, J. (2023). Toward AI governance: Identifying best practices and potential barriers and outcomes. *Information Systems Frontiers*, 25, 123-141. <https://doi.org/10.1007/s10796-022-10251-y>
- Peng, Y., Ahmad, S. F., Ahmad, A. Y. B., Al Shaikh, M. S., Daoud, M. K., & Alhamdi, F. M. H. (2023). Riding the waves of artificial intelligence in advancing accounting and its implications for sustainable development goals. *Sustainability*, 15(19). <https://doi.org/10.3390/su151914165>
- Perifanis, N.-A., & Kitsios, F. (2023). Investigating the influence of artificial intelligence on business value in the digital era of strategy: A literature review. *Information*, 14(2). <https://doi.org/10.3390/info14020085>
- Razali, F. A., Jusoh, M. A., Talib, S. L. A., & Awang, N. (2022). The impact of industry 4.0 towards accounting profession and graduate's career readiness: A review of literature. *Malaysian Journal of Social Sciences and Humanities (MJSSH)*, 7(7). <https://doi.org/10.47405/mjssh.v7i7.1624>
- Rogers E., M. (1995). *Diffusion of Innovations* (4th ed.). The Free Press.
- Stancheva-Todorova, E. (2022). The role of accountants for ethical and sustainable artificial intelligence adoption. *International Scientific Journal "Industry 4.0"*, 7(3), 98-101. <https://stumejournals.com/journals/i4/2022/3/98.full.pdf>
- Seshadrinathan, S., & Chandra, S. (2021). Exploring factors influencing adoption of blockchain in accounting applications using technology–organization–environment framework. *Journal of International Technology and Information Management*, 30(1), 30-68. <https://doi.org/10.58729/1941-6679.1477>
- Sun, T., & Vasarhelyi, M. A. (2018). Embracing textual data analytics in auditing with deep learning. *International Journal of Digital Accounting Research*, 18, 49-67. https://www.uhu.es/ijdar/10.4192/1577-8517-v18_3.pdf
- Taeihagh, A. (2021). Governance of artificial intelligence. *Policy and Society*, 40(2), 137-157. <https://doi.org/10.1080/14494035.2021.1928377>

- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*. Chinhphu.vn. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=202565>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Chinhphu.vn. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205555>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030*. Chinhphu.vn. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205809>
- Tạp chí Kinh tế - Tài chính. (2024). *Năm 2030: Lợi ích kinh tế từ AI có thể lên tới 79,3 tỷ USD*. <https://tapchikinhjetaichinh.vn/nam-2030-loi-ich-kinh-te-tu-ai-co-the-len-toi-793-ty-usd-48563.html>
- Tornatzky, L. G., Fleischer, M., & Chakrabarti, A. K. (1990). *The process of technology innovation*. Lexington Books.
- Vărzaru, A. A. (2022). Assessing artificial intelligence technology acceptance in managerial accounting. *Electronics*, 11(14). <https://doi.org/10.3390/electronics11142256>
- Wang, J., & Wang, X. (2019). Sample size for structural equation modeling. *Structural Equation Modeling: Applications Using Mplus* (2nd ed., pp. 443-481). John Wiley & Sons. <https://doi.org/10.1002/9781119422730.ch7>
- Yoon, S. (2020). A study on the transformation of accounting based on new technologies: Evidence from Korea. *Sustainability*, 12(20). <https://doi.org/10.3390/su12208669>
- Zirar, A. (2023). Can artificial intelligence's limitations drive innovative work behaviour? *Review of Managerial Science*, 17, 2005-2034. <https://doi.org/10.1007/s11846-023-00621-4>